

Bản án số: 321/2024/DS-PT

Ngày: 17-4-2024

V/v Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Phan Thị Tú Oanh

**Các Thẩm phán:**

1. Bà Nguyễn Thị Thu

2. Bà Nguyễn Thị Kim Cương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2024/TLPT-DS ngày 10 /1/2024 về việc “Tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án sơ thẩm số: 1192/2023/DS-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 933/2024/QĐPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3481/2024/QĐPT-DS ngày 27 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1949. Địa chỉ: Số A, đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố H (có mặt).

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:**

- Ông Giang Chí D, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số E, đường M, Phường C, Quận F, Thành phố H (có đơn xin vắng mặt). Hoặc

- Ông Mai Hoàng P, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số E, đường N, Phường C, quận P, Thành phố H (có mặt).

(theo giấy ủy quyền số công chứng 11095, quyền số 09/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/9/2022 của Phòng C1 lập)

**Đồng bị đơn:**

1. Bà **Đinh Thị Ngọc P1**, sinh năm 1945

2. Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1982

3. Ông **Nguyễn Minh T1**, sinh năm 1985 (có mặt).

4. Bà **Nguyễn Uyên P2**, sinh năm 1987

*Người đại diện theo ủy quyền của bà P3, ông T, bà P2: Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1985 (có mặt).*

Cùng địa chỉ: Số A, đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố H.

(Theo Giấy ủy quyền số chứng thực 7912 quyền số 08-SCT/CK,ĐC ngày 29/8/2017 và Giấy ủy quyền số chứng thực 10019 quyền số 10-SCT/CK,ĐC ngày 30/10/2017 của Văn phòng C2 lập)

*Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định. Địa chỉ liên lạc: Số B, đường N, Phường A, quận B, Thành phố H (Theo Giấy ủy quyền số công chứng: 001744, quyền số 03/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/3/2024 của Văn phòng C3 lập) (có mặt).*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số A, đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố H (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Kim P4, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số I, đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố H (có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà V, bà P4:*

- Ông Giang Chí D, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số E, đường M, Phường C, Quận F, Thành phố H (có đơn xin vắng mặt). Hoặc

- Ông Mai Hoàng P, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số E, đường N, Phường C, quận P, Thành phố H (có mặt).

(theo giấy ủy quyền số công chứng 11095, quyền số 09/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/9/2022 của Phòng C1 lập)

*Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Minh T1*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản phiên họp về việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Cha bà M tên là Nguyễn S, sinh năm 1912, chết năm 1993 và mẹ bà M là bà Đặng Thị C, sinh năm 1916, chết năm 1990. Ba mẹ bà M chỉ có 06 người con, không có con nuôi hay con riêng, gồm:

1/ Nguyễn Thị N1, sinh năm 1937, chết năm 2000 (không đăng ký kết hôn và không có con ruột hay con nuôi)

2/ Nguyễn Thị N2, sinh năm 1940 đã chết, có 01 con là Nguyễn Thị Kim P4, sinh năm 1975

3/ Nguyễn M1, sinh năm 1941, chết năm 2015 có vợ bà Đinh Thị Ngọc P1, 03 người con là: Nguyễn Minh T, sinh năm 1982; Nguyễn Minh T1, sinh năm 1985; Nguyễn Uyên P2, sinh năm 1987.

4/ Nguyễn Thị P5, sinh năm 1946, chết năm 2015 (không đăng ký kết hôn và không có con ruột hay con nuôi);

5/ Nguyễn Thị V, sinh năm 1956;

6/ Nguyễn Thị M, sinh năm 1949.

Ông S và bà C chết không để lại di chúc. Tài sản chung của ông bà là căn nhà, đất số A Đ, Phường B, quận B, Thành phố H. Căn nhà này chỉ mới làm kê khai và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

Nay bà M yêu cầu chia tài sản của cha mẹ để lại làm 04 phần cho bà M, bà Nguyễn Thị V, gia đình ông Nguyễn M1 và bà Nguyễn Thị Kim P4.

*\* Theo bản tự khai, các biên bản phiên họp về việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông Nguyễn Minh T1 – đại diện cho các bị đơn trình bày:*

Ông T1 xác nhận phần trình bày của bà M về nhân khẩu gia đình là hoàn toàn đúng. Ông Nguyễn S sinh năm 1912, chết năm 1993 và bà Đặng Thị C sinh năm 1916, chết năm 1990. Ông S và bà C chết không để lại di chúc. Ông bà nội ông T1 chỉ có 06 người con, không có con nuôi hay con riêng, gồm:

1/ Nguyễn Thị N1, sinh năm 1937, chết năm 2000 (không đăng ký kết hôn và không có con).

2/ Nguyễn Thị N2, sinh năm 1940, chết năm 1996, có 01 con là Nguyễn Thị Kim P4 sinh năm 1975.

3/ Nguyễn M1, sinh năm 1941, chết năm 2015, có vợ bà Đinh Thị Ngọc P1, 03 người con là: Nguyễn Minh T, sinh năm 1982; Nguyễn Minh T1, sinh năm 1985; Nguyễn Uyên P2, sinh năm 1987.

4/ Nguyễn Thị P5, sinh năm 1946, chết năm 2015 (không đăng ký kết hôn và không có con).

5/ Nguyễn Thị V, sinh năm 1956.

6/ Nguyễn Thị M, sinh năm 1949.

Năm 1970, cha ông T1 (Nguyễn M1) là thương phế binh chế độ cũ, là người khai phá đất và cất nhà tại địa chỉ A Đ, Phường B, quận B, Thành phố H, sau đó cha ông T1 đưa ông S, bà C và 05 người con đến ở đây. Năm 1986, Ủy ban nhân dân quận B ra quyết định giải tỏa trắng đất nằm trên tuyến đường ống cấp nước Thành phố. Toàn bộ căn nhà A Đ, Phường B, quận B, Thành phố H nằm hoàn toàn trong diện giải tỏa trắng do nhà nằm trên tuyến đường ống cấp nước Thành phố theo Thông báo lần chót số: 85/TB-UB ngày 25/1/1986 về việc thực hiện nghiêm chỉnh quyết định giải tỏa nhà trên đường ống nước. Sau khi giải tỏa nhà thì được Ủy ban nhân dân quận B cấp đền bù cho miếng đất tái định

cư tại địa chỉ I U, Phường B, quận B. Lúc này thì bà Nguyễn Thị N1 là người đứng ra nhận đất và bà N1 xin vật liệu để xây dựng căn nhà tại I U, Phường B, quận B. Sau đó, bà N1 đã cho các anh em, con cháu còn lại qua nhà này ở. Riêng gia đình ba ông T1 là ông Nguyễn M1 đã khai phá và san lấp, cất nhà tại khoảng đất trống phía sau căn nhà bị giải tỏa trắng và vẫn lấy lại địa chỉ cũ là A Đ, Phường B, quận B, Thành phố H. Do đó, căn nhà và đất A Đ, Phường B, quận B, Thành phố H là căn nhà của gia đình ông T1, sử dụng ổn định từ năm 1986 đến nay. Căn nhà này không liên quan gì đến căn nhà cũ đã bị giải tỏa trắng. Căn nhà này chỉ mới kê khai và chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

Theo Biên bản họp tổ dân phố 40 ngày 21/1/2009 có thể hiện các người làm chứng xác nhận nguồn gốc nhà và đất A Đ, Phường B, quận B, Thành phố H là của ông Nguyễn M1 (có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân phường về việc chữ ký và người làm chứng là ông tổ trưởng).

Do đó, ông T1 nhận thấy căn nhà A Đ, Phường B, quận B, Thành phố H không liên quan gì đến tài sản thừa kế của ông Nguyễn S, bà Đặng Thị C mà tài sản trong diện thừa kế chỉ là căn nhà I U, Phường B, quận B vì căn nhà này được đền bù do căn nhà A Đ, Phường B bị giải tỏa trắng mà có.

Do đó, ông T1 không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị M đối với căn nhà A Đ, Phường B, quận B, Thành phố H.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị Kim P4 cùng trình bày:*

Bà V và bà P4 xác nhận phần trình bày của bà M về nhân khẩu gia đình chúng tôi là đúng. Ông Nguyễn S sinh năm 1912, chết năm 1993 và bà Đặng Thị C sinh năm 1916, chết năm 1990. Ông S và bà C chỉ có 06 người con, không có con nuôi hay con riêng, gồm:

1/ Nguyễn Thị N1, sinh năm 1937, chết năm 2000 (không đăng ký kết hôn và không có con)

2/ Nguyễn Thị N2, sinh năm 1940, chết năm 1996, có 01 con là Nguyễn Thị Kim P4 sinh năm 1975

3/ Nguyễn M1, sinh năm 1941, chết năm 2015, có vợ là bà Đinh Thị Ngọc P1, 03 người con là Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Uyên P2

4/ Nguyễn Thị P5, sinh năm 1946, chết năm 2015 (không đăng ký kết hôn và không có con).

5/ Nguyễn Thị V, sinh năm 1956

6/ Nguyễn Thị M, sinh năm 1949.

Khi ông S và bà C chết không để lại di chúc, tài sản của ông bà là căn nhà A Đ, Phường B, quận B, Thành phố H. Nay chúng tôi cùng có đơn yêu cầu độc lập là yêu cầu chia tài sản của ông S, bà C để lại làm 04 phần cho Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị M, gia đình ông Nguyễn M1 và Nguyễn Thị Kim P4.

Tại Bản án sơ thẩm số: 1192/2023/DS-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H đã xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M; chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị Kim P4 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”:

- Xác định ông Nguyễn S sinh năm 1912, chết năm 1993 và bà Đặng Thị C sinh năm 1916, chết năm 1990, khi chết ông bà không để lại di chúc.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn S và bà Đặng Thị C gồm: Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị N2 (bà Nguyễn Thị Kim P4 là người được nhận phần thừa kế của bà N2) và ông Nguyễn M1 (gia đình ông Nguyễn Minh g có vợ là bà Đinh Thị Ngọc P1 và 03 người con là Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Uyên P2 được nhận phần thừa kế của ông Nguyễn M1).

- Xác định di sản của ông Nguyễn S và bà Đặng Thị C là căn nhà, đất số A Đ, Phường B, quận B, Thành phố H, thuộc thừa số 9-1 10-1, tờ bản đồ số 119, bộ địa chính Phường B, quận B.

- Chia di sản của ông Nguyễn S và bà Đặng Thị C là căn nhà, đất số A Đ, Phường B, quận B làm 04 phần như nhau, mỗi phần di sản có giá trị:  $29.656.091.966 \text{ đồng} : 4 = 7.414.022.991 \text{ đồng}$ . Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Kim P4 mỗi người hưởng 01 phần và gia đình ông Nguyễn M1 (gồm có vợ ông M1 là bà Đinh Thị Ngọc P1 và 03 người con của ông M1 là Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Uyên P2) cùng hưởng 01 phần.

2. Về các chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị M tự nguyện chịu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị V được miễn nộp án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm nộp án phí là 6.250.000 đồng theo Biên lai thu số: AA/2017/0002557 ngày 27/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền tạm nộp án phí là 6.250.000 đồng theo Biên lai thu số: AA/2017/0003091 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Bà Nguyễn Thị Kim P4 phải nộp án phí là 115.414.023 đồng, nhưng được trừ đi số tiền tạm nộp án phí là 6.250.000 đồng theo Biên lai thu số: AA/2017/0003092 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, bà P4 còn phải nộp 109.164.023 đồng.

Bà Đinh Thị Ngọc P1, ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Uyên P2 phải nộp án phí là 115.414.023 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án của các đương sự.

- Ngày 03/7/2023, bị đơn ông Nguyễn Minh T1 nộp đơn kháng cáo với nội dung: Ông không đồng ý với những nội dung tuyên án của Tòa án nhân dân quận T, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên khởi kiện, người khởi kiện không rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn đề nghị hủy án sơ thẩm vì chưa điều tra rõ về nguồn gốc căn nhà, công sức giữ gìn và sửa chữa của gia đình đối với căn nhà.

- Đại diện nguyên đơn và đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị Kim P4 đề nghị y án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung như sau:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh T1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa 1 phần bản án sơ thẩm theo hướng:

Chia di sản thừa kế của ông S, bà C thành 05 phần cho 04 đồng thừa kế, cụ thể :

Bà Nguyễn Thị N2 chết năm 1996 (người hưởng kế thừa bà N2 là bà Nguyễn Thị Kim P4 ) được hưởng 1/5 giá trị di sản tại thời điểm thi hành án

Bà Nguyễn Thị V được hưởng 1/5 giá trị di sản tại thời điểm thi hành án.

Ông Nguyễn M1, chết năm 2015 ( người hưởng kế thừa ông M1 gồm bà Đinh Thị Ngọc P1, ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Minh T1, bà Nguyễn Uyên P2) được nhận phần thừa kế của ông M1 là 1/5 giá trị di sản và 1/5 giá trị di sản do có công sức quản lý, giữ gìn di sản thừa kế, tổng cộng là 2/5 giá trị di sản, tại thời điểm thi hành án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh T1 làm đúng hình thức, trong hạn luật định, ông T1 đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được công nhận về mặt hình thức.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét kháng cáo của ông T1 với nội dung: Không đồng ý với những nội dung tuyên án của Tòa án nhân dân quận T, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án.

Tại phiên tòa, ông T1 trình bày nguồn gốc nhà cấp sơ thẩm chưa điều tra rõ, nếu chia cũng chưa tính công sức quản lý, giữ gìn di sản thừa kế, ngoài ra gia đình tôi có sửa chữa căn nhà, đề nghị hủy án sơ thẩm.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy,

Quan hệ tranh chấp là tranh chấp di sản thừa kế của ông Nguyễn S, bà Đặng Thị C theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với tài sản là nhà, đất số A Đ, Phường B, quận B do các bị đơn đang quản lý sử dụng.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M, xác định tài sản tranh chấp là di sản thừa kế và đã tiến hành chia di sản thừa kế theo pháp luật. Tuy nhiên, khi chia di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm không xét đến công sức quản lý, giữ gìn, tôn tạo, sửa chữa nhà, đất là di sản thừa kế của phía gia đình bị đơn bà Đinh Thị Ngọc P1 và các con bà P1 là những người đang trực tiếp quản lý, sử dụng di sản thừa kế. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn ông Nguyễn Minh T1 có đưa ra yêu cầu tiền sửa chữa nhà là 191.000.000 đồng mà ông đã bỏ ra để sửa chữa căn nhà, sau đó rút lại yêu cầu này, nhưng ý kiến của ông T1 và những bị đơn do ông T1 đại diện cho rằng căn nhà là của họ không phải là di sản thừa kế nên không chấp nhận yêu cầu chia căn nhà, xác định quyền lợi lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức đóng góp, chi phí sửa chữa, tôn tạo tài sản. Căn cứ Án lệ số 05/2016/AL được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao thì trong trường hợp chấp nhận chia di sản thừa kế mà chưa xem xét công sức của gia đình bị đơn bà Đinh Thị Ngọc P1 và các con bà P1 là giải quyết chưa triệt để yêu cầu của đương sự.

Do không xét đến công sức quản lý, giữ gìn, tôn tạo, sửa chữa nhà, đất là di sản thừa kế khi chia di sản thừa kế nên Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để chứng minh về các nội dung này nên cần phải hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ và xét xử lại theo quy định của pháp luật, đảm bảo chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng: Nghĩa vụ chịu án phí, chịu chi phí tố tụng được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn dẫn đến việc cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**



Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1, 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Án lệ số: 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức và thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 1192/2023/DS-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông Nguyễn Minh T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng cho ông Nguyễn Minh T1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2023/0028121 ngày 06 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại TP. H;
- VKSND Cấp cao tại TP. H;
- VKSND TP. H;
- TAND Q. T;
- Chi cục THADS Q. T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Tú Oanh**

